

thời đại mới

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU & THẢO LUẬN

Số 5 ▪ Tháng 7/2005

Sách Nôm trong mục quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10

Nguyễn Tô Lan

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004

Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Tóm tắt

Dưới triều Nguyễn (1802–1945) chữ Nôm và văn học Nôm phát triển thịnh đạt về số lượng và chất lượng, các nhà tàng bản lớn xuất hiện, các trung tâm lưu trữ liên tục được xây dựng, công việc tổ chức sưu tầm, kiểm kê thư tịch được tiến hành trong cả nước nhất là ở Huế, kết quả được ghi lại trong các bộ thư mục. Những điều này là cơ sở để tin rằng đây là thời kì thư tịch Nôm được sưu tầm, kiểm kê, nhân bản có hệ thống, quy mô nhất trong lịch sử nước ta.

Qua khảo sát 10 bộ thư mục do triều Nguyễn biên soạn hiện lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và 01 bộ thư mục tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy chỉ có **Cổ học viện thư tịch thủ sách** (A.2601/1-10), thư mục sách lưu trữ tại Viện Cổ học Huế (thành lập năm 1922) được thực hiện vào năm 1924–1925 là chép riêng sách Nôm vào một mục là mục **Quốc âm** thuộc kho **Quốc thư** (A.2601/10). Mục này gồm 06 tờ, tờ 02 trang, miêu thuật **37** tên sách với 08 yếu tố, đây là điều kiện để hình dung cụ thể về tác phẩm, thuận lợi trong đối chiếu, so sánh với những thư tịch hiện còn. Trong đó **23/37** tên sách là bản khắc in, **14/37** tên sách là bản chép tay; **32** đơn vị thư mục và **05** tác phẩm phụ chép; số lượng tại thời điểm kiểm kê là **38** quyển (thất lạc hoặc hư hỏng **07** quyển). Đây là những sách có tại Viện Cổ học vào năm 1925, phần lớn vốn được lưu trữ tại Tân thư viện, một số ít do Viện Cổ học mua hoặc chép lại. Có nghĩa là Viện Cổ học đã kế thừa kho sách của Tân thư viện rồi tiếp tục sưu tầm, bổ sung và nhân bản. Qua đây, có thể thấy triều Nguyễn đã có nhiều nỗ lực trong việc sưu tầm, lưu trữ và kiểm kê sách Nôm. Mặt khác điều này cũng thể hiện cách nhìn nhận của triều Nguyễn đối với sách Nôm có nhiều điểm tiến bộ.

Từ những tên sách này chúng tôi nhận thấy: Có **27** tên sách hiện còn. Trong đó:

20 tên sách còn toàn bộ (phần lớn đã được phiên âm giới thiệu): *Chinh phụ ngâm bị lục, Cung oán ngâm, Đại Nam quốc sử diễn ca, Kim Vân kiều quảng tập truyện, Lưu Bình diễn ca, Nam nữ đối ca, Nguyệt hoa vấn đáp, Phạm công tân truyện, Phan Trần truyện trùng duyệt, Phương Hoa tân truyện, Tây Dương chí lược, Thạch Sanh tân truyện, Thái Nguyên Lưu Dàn giải kinh tổng luận, Thanh Hoá quan phong, Thiên Nam minh giám, Thiếu nữ hoài xuân tình thi, Thuý Kiều thi tập, Tống Trân tân truyện, Vân Tiên cổ tích tân truyện.*

07 tên sách còn nhưng không đầy đủ. Từ những thông tin của 07 tên sách này có thể bổ sung, sửa chữa, cải chính cho những thư tịch Nôm hiện còn. *Đại Việt sử kí tiếp lục diễn nghĩa, Vũ kinh thất thư diễn ca*, v.v. bổ sung về tên gọi tác phẩm. Thông tin về 03 tác phẩm của Phạm Đình Toái giúp xác định các văn bản nguồn của *Quốc âm từ diệu*, khẳng định Phạm Đình Toái là tác giả của *Kinh truyện diễn ca*, chỉ rõ sách *Trung dung* do Phạm Đình Toái diễn Nôm hiện còn là diễn ra từ bản *Trung dung tiết yếu*, v.v. đây là cơ sở cho việc nghiên cứu các truyền bản cũng như diên cách những sáng tác của tác gia này. Mặt khác, những sách hiện còn lại giúp phục dựng tình trạng ban đầu của tên sách được ghi chép trong thư mục. Từ *Quốc âm từ diệu* có thể khôi phục được sách *Tân Đường Tống thi ca diễn âm*, từ *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa* có thể hình dung được *Hiếu kinh diễn nghĩa*, v.v.

10 tên sách hiện nay đã mất hoặc chưa tìm thấy là: *Chư nhạc chương hội biên, Lê triều giáo hoá điều lệ, Nam Việt sử kí truyện, Quận công Nguyễn Đức Xuyên lý lịch, Táo quân diễn ca, Thuận Quảng thực lục, Thượng thư Hà Tôn Huân huấn tử ca, Trục nhật thủy triều ca, Việt sử quốc âm ca, Việt vận thi tập*. Cùng với tên sách là các thông tin như: hình thức nhân bản (in hay chép tay), số quyển, vài nét về nội dung. Đây là những chỉ dẫn hữu ích cho người đọc sách, thẳng hoặc còn tìm thấy ở đâu đó trong dân gian vẫn còn lưu giữ được thì có thể tham khảo thêm hay sử dụng những thông tin này làm bằng cứ mà khôi phục lại được thì thật may mắn.

Tìm hiểu sách Nôm trong thư mục này, chúng tôi mong muốn bổ sung một số thông tin dù là ít ỏi cho những thư tịch hiện còn, cung cấp thông tin về những thư tịch hiện đã mất hoặc chưa tìm thấy, ngõ hầu có thể hình dung bước đầu về kho sách Nôm được lưu trữ tại Viện Cổ học, Huế đầu thế kỉ XX nói riêng cũng như di sản thư tịch Nôm của dân tộc ngoài thư tịch hiện còn lưu giữ được.



Đến thế kỉ XIX ở nước ta chữ Nôm và văn chương chữ Nôm đạt đến cực thịnh. Từ *Cu trần lạc đạo, Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, v.v. của các tác gia đời Trần đến đời Lê với thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, v.v. tới đây, văn học chữ Nôm phát triển rực rỡ, có được thành tựu to lớn cả về chất lượng và số lượng. Nếu chỉ kể riêng thể loại truyện Nôm dù trải qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, sự tàn phá của thời gian và của con người thì tới nay, theo thống kê của Gs Kiều Thu Hoạch thì số lượng truyện Nôm còn tới 106 tác phẩm [6]¹.

Dưới triều nhà Nguyễn (1802–1945) các trung tâm lưu trữ thư tịch liên tục được xây dựng tại Huế. Sớm nhất là thư viện Quốc sử quán (1821) rồi đến các thư viện: thư viện Tàng thư lâu

(1825), thư viện Nội các (1826), thư viện Tự Khuê (1852), Tân thư viện (1909), thư viện Viện Cổ học (1922), thư viện Bảo Đại (1932)². Mỗi thư viện đều mang trong mình một nét đặc thù riêng nhưng có lúc lại có thể thay thế lẫn nhau hoặc cùng đảm nhận một vai trò.

Cùng với việc xây dựng các trung tâm lưu trữ, các vua Nguyễn đã cho tổ chức sưu tầm thư tịch trong phạm vi cả nước, những sắc lệnh về sưu tầm, thu mua, nhân bản thư tịch được ban hành, nhiều vị quan được cử đi khắp các nơi, đặc biệt là Bắc thành để trực tiếp tìm kiếm. Các nhà tàng bản in ấn kinh sách có quy mô xuất hiện trong cả nước như Hải Học đường (Hải Dương), Chiêm Bái đường (Thái Bình), v.v.

Trong bối cảnh như vậy, tất yếu sẽ đặt ra vấn đề thống kê, nhận diện toàn bộ thư tịch cả nước. Theo các tài liệu lịch sử để lại thì nhà Nguyễn đã nhiều đợt tổ chức kiểm kê tại các trung tâm lưu trữ, nhất là các trung tâm tại kinh thành Huế. Kết quả của các đợt này được ghi lại trong các bộ thư mục. Hiện nay, tuy chưa có một công trình nghiên cứu thật kỹ về các đợt kiểm kê này nhưng qua các bản thư mục hiện còn có thể phân nào hình dung được số lượng, chủng loại sách đang lưu trữ lúc bấy giờ. Sự thịnh đạt của văn chương Nôm cùng với các điều kiện về sưu tầm, lưu trữ, kiểm kê thư tịch cho chúng ta một gợi ý rằng có lẽ thời kì này cũng chính là lúc các tác phẩm viết bằng chữ Nôm được sưu tầm, lưu trữ, kiểm kê một cách có quy mô và hệ thống nhất trong lịch sử Việt Nam.

Chúng tôi đã khảo sát 10 bộ thư mục do triều Nguyễn tổ chức biên soạn hiện lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm³ [từ đây xin viết tắt là VHN] là *Sử quán thư mục* A.112; *Sử quán thủ sách* A.1025; *Nội các thư mục* A.113/1-2; *Nội các thủ sách* A.2644; *Cổ học viện thư tịch thủ sách* A.2601/1-11; *Tự Khuê thư viện tổng mục sách* A.111, A.110/1-3; *Tân thư viện thủ sách* A.1024, A.2645/1-3; *Tàng thư lâu bạ tịch* A.968, và bộ *Bí thư sở thủ sách*⁴ lưu trữ tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong 11 bộ thư mục này chỉ có *Tàng thư lâu bạ tịch* không chép một tên sách Nôm nào, 10 bộ thư mục còn lại đều có chép sách Nôm, riêng *Cổ học viện thư tịch thủ sách*⁵ A.2601/1-11 chép sách chữ Nôm (Quốc âm) thành một mục riêng biệt.⁶ Các thư mục còn lại xếp sách chữ Nôm chung vào các mục khác (chúng tôi tạm chưa đề cập đến vấn đề này trong bài viết).

CHV là thư mục sách lưu trữ tại Viện Cổ học (thành lập tại Huế năm 1922), thư mục này hiện còn lưu trữ tại thư viện VHN, kí hiệu thư viện là A.2610/1-11; gồm 11 bản viết (01 bộ: 10 tập; A.2601/11 là bản lược sao của A.2601/9-10 nên không phân tích trong bài viết này), 2.472 tr., 27 x 15 cm. Bản này do Lê Doãn Thăng biên tập, Nguyễn Tiên Khiêm, Nguyễn Bá Trác hiệu duyệt, chép năm thứ 9—10 (1924—1925) đời vua Khải Định nhà Nguyễn [13, t1, 329]. Theo bản này, tại thời điểm kiểm kê, số sách hiện có tại thư viện Viện Cổ học là 2.828 bộ, trong đó: Tân thư: 262 bộ; Kinh bộ: 306 bộ; Sử bộ: 430 bộ; Tử bộ: 6.550 bộ; Tập bộ: 562 bộ; Quốc thư: 601 bộ.

A. 2601/9-10 (tập 9, 10) chép kho *Quốc thư*, trong đó bản kí hiệu A.2601/10 làm năm thứ 10 (1925) đời vua Khải Định nhà Nguyễn chép riêng một mục *Quốc âm*. Phần này gồm 06 tờ, tờ 02 trang. Như các mục ở các kho khác, mỗi tờ chia làm nhiều tầng, miêu thuật mỗi đơn vị thư mục theo 08 yếu tố: Tên sách, số bộ đủ hoặc thiếu (Thư danh tịnh bộ số toàn hoặc thứ); Nội dung sách (Nội dung); Người biên soạn (Soạn giả); Số quyển nguyên có (Nguyên thư số); Số quyển hiện có (Hiện đính bản); Kí hiệu sách (Hiệu số); Khắc in hoặc sao chép và lai lịch đính sách (Khắc hoặc tả tịnh lai lịch); Cách đóng (Đính thức). Có thể thấy trong CHV, thư tịch nói chung và thư tịch Nôm nói riêng được sắp xếp, miêu thuật có hệ thống và tập trung, với đầy đủ các yếu tố cơ bản của một đơn vị thư mục.

Tổng số đơn vị thư mục được miêu thuật là **32** gồm **36** tên sách, thống kê ở bảng sau:

Stt	Tên sách	Hình thức		Tác giả		Số quyển		Phụ chép	Hiện trạng	
		Khắc	Chép	Có	Không	Nguyên cố	Hiện đồng		Còn	Mất
1	<i>Chinh phụ ngâm bị lục</i>	x		x		1	1		x	
2	<i>Chư nhạc chương hội biên</i>		x	x		1	1			x
3	<i>Cung oán ngâm</i>	x		x		1	1		x	
4	<i>Đại Nam quốc sử diễn ca</i>	x			x	1	1		x	
5	<i>Đại Việt sử kí tiếp lục diễn nghĩa</i>	x			x	1	1		x	
6	<i>Hiếu kinh diễn nghĩa</i>		x	x		1	1		x	
7	<i>Kim Vân Kiều quang tập truyện</i>	x		x		1	1		x	
8	<i>Lê triều giáo hoá điều lệ</i>		x	x		1	1	<i>Thượng thư Hà Tôn Huân huân từ ca</i>		x
9	<i>Lễ thi thư dịch nhật khắc thụy triều diễn ca</i>	x		x		1	1	<i>Nhật khắc trường đoản cập trực nhật thụy triều diễn ca</i>	x	
10	<i>Lưu Bình diễn ca</i>	x			x	1	1		x	
11	<i>Nam nữ đối ca</i>	x			x	2	1		x	
12	<i>Nam Việt sử kí truyện</i>		x		x	1	1			x
13	<i>Nguyệt hoa vấn đáp</i>	x			x	1	1		x	
14	<i>Nhật khắc trường đoản cập trực nhật thụy triều diễn ca</i>	x			x			<i>Phụ chép trong: Lễ thi thư dịch nhật khắc thụy triều diễn ca</i>	x	
15	<i>Nhị đế chân kinh diễn ca</i>	x			x	1	1	<i>Tào quân diễn ca</i>	x	
16	<i>Phạm công tân truyện</i>	x			x	2	1		x	
17	<i>Phan Trần truyện trùng duyệt</i>	x		x		1	1		x	
18	<i>Phương Hoa tân truyện</i>	x			x	1	1		x	
19	<i>Quận công Nguyễn Đức Xuyên lý lịch</i>		x	x		1	1			x
20	<i>Tào quân diễn ca</i>	x		x				<i>Phụ chép trong: Nhị đế chân kinh diễn ca</i>		x
21	<i>Tân Đường Tống thi ca diễn âm</i>		x		x	1	1		x	
22	<i>Tây Dương chí lược</i>		x		x	3	1		x	
23	<i>Thạch Sanh tân truyện</i>	x			x	1	1		x	
24	<i>Thái Nguyên Lưu Dần giải kinh tông luận</i>		x		x			<i>Phụ chép trong: Vũ kinh thất thư diễn ca</i>	x	
25	<i>Thanh Hoá quan phong</i>	x		x		1	1		x	
26	<i>Thiên Nam minh giám</i>		x	x		1	1		x	
27	<i>Thiếu nữ hoài xuân tình thi</i>	x		x		1	1		x	
28	<i>Thuận Quảng thực lục</i>		x		x	1	1			x

29	<i>Thượng thư Hà Tôn Hoàn huân tử ca</i>		x	x				Phụ chép trong <i>Lê triều giáo hoá điều lệ</i>		x
30	<i>Thúy Kiều thi tập</i>	x			x	1	1		x	
31	<i>Tổng Trân tân truyện</i>	x			x	1	1		x	
32	<i>Trung dung diễn ca</i>	x		x		1	1		x	
33	<i>Vân Tiên cổ tích tân truyện</i>	x			x	1	1		x	
34	<i>Việt sử quốc ngữ ca</i>		x		x	4	1			x
35	<i>Việt vận thi tập</i>		x	x		1	1			x
36	<i>Vũ kinh thất thư diễn ca</i>		x	x		7	7	<i>Thái Nguyên Lưu Dần giải kinh tổng luận</i>	x	
Tổng: 32 đơn vị thư mục + 04 tên sách phụ chép = 36 tên sách		22	14	17	19	45	38	04 tên sách phụ chép	27	09

Qua mục **Quốc âm**, kho **Quốc thư**, CHV chúng tôi khảo sát được 36 tên sách (gồm 32 đơn vị thư mục và 04 tác phẩm phụ chép). Về hình thức nhân bản có 22/36 tên sách là bản khắc in, 14/36 tên sách là bản chép tay. Điều này càng chứng tỏ sách Nôm dưới triều Nguyễn đã được coi trọng và nhân bản rộng rãi nhằm phục vụ yêu cầu của xã hội. Về tác giả, chỉ có 14/32 đơn vị thư mục có chép tên tác giả trong đó chỉ có 04/32 là tác giả thời Lê, còn lại đều là tác giả thời Nguyễn, 18/32 đơn vị thư mục không có tên tác giả. Về số lượng, sách nguyên có là 45 quyển, sách có tại thời điểm kiểm kê là 38 quyển, tức là đã thất lạc hoặc hỏng nát 07 quyển.

Căn cứ khảo sát của chúng tôi ở đây là **tên sách**, không phải là **tên tác phẩm**⁷ do trên thực tế không thể khảo sát trực tiếp trên các văn bản này mà chỉ biết tên và các thông tin về sách qua ghi chép trong thư mục. Vì vậy, chúng tôi chỉ đơn thuần dựa trên các yếu tố này để xếp tên sách vào loại còn hay không còn trong cột Hiện trạng thông qua đối chiếu với [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [8]; [9]; [10]; [12]; [13]; [14]; [16]; [17]; [20]; [21]; [22]. Tuy vậy, những tên sách nào có thể khảo rõ với tư cách là một tác phẩm chúng tôi cũng xin nêu chi tiết ở dưới.

Chúng tôi xếp các tên sách vào hai loại chính:

1. Sách hiện còn: Những sách hiện nay còn toàn bộ hay một phần. Loại này chia làm hai trường hợp:

1.1 Các yếu tố (tên sách, tác giả, nội dung, kết cấu) của tên sách chép trong CHV và sách hiện còn hoàn toàn không có sai khác. Chúng tôi xin được không thuyết minh thêm về những tên sách này vì chúng hiện còn được lưu trữ ở nhiều nơi trong cả nước. Hơn nữa, phần lớn những sách này đã được các học giả nghiên cứu về văn bản học, phiên âm, chú thích, giới thiệu nên người quan tâm có thể dễ dàng tìm đọc.

20 tên sách thuộc diện này là: *Chinh phụ ngâm bị lục, Cung oán ngâm, Đại Nam quốc sử diễn ca, Kim Vân Kiều quảng tập truyện, Lưu Bình diễn ca, Nam nữ đối ca, Nguyệt hoa vấn đáp, Nhật khắc trường đoản ca, Phạm công tân truyện, Phan Trần truyện trùng duyệt, Phương Hoa tân truyện, Tây Dương chí lược, Thạch Sanh tân truyện, Thái Nguyên Lưu Dần giải kinh tổng luận, Thanh Hoá quan phong, Thiên Nam minh giám, Thiếu nữ hoài xuân tình thi, Thúy Kiều thi tập, Tổng Trân tân truyện, Vân Tiên cổ tích tân truyện.*

1.2 Các yếu tố chép trong CHV và những sách hiện còn không hoàn toàn trùng hợp, còn có nhiều điểm sai khác, hay có những điểm bổ sung đáng chú ý về tác giả, văn bản, hình thức nhân bản, v.v. cần phải xem xét, chúng tôi nêu ra đây để tham khảo. (Những tên sách này được xếp theo thứ tự bảng chữ cái Latin, trình bày theo 2 phần. Phần đầu: miêu thuật sách với nội dung trung thành với ghi chép trong thư mục gốc, phần hai được đánh dấu bằng dấu * là những so sánh, đối chiếu của chúng tôi). Đó là những tên sách:

(1) Đại Việt sử kí tiếp lục diễn nghĩa

Diễn nghĩa từ bản chữ Hán. Bản khắc in; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* Có lẽ đây là một bản khác có nội dung tương tự với **Đại Việt sử kí tiếp lục tổng tự**, A.1180 (VHN), (01 bản in, 64 tr., 26 x 16, có chữ Nôm. Tổng luận về lịch sử Việt Nam từ đời Hồng Bàng đến cuối đời Hậu Lê. Có phần nguyên văn chữ Hán và phần chú giải sau mỗi câu hoặc mỗi đoạn có chữ Nôm).

(2) Hiếu kinh diễn nghĩa

Miên Tuấn (Nguyễn). Diễn nghĩa từ bản *Hiếu kinh* theo thể 6-8. Bản chép tay; không đủ bộ, nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* Có lẽ sách này giống với bản **Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa ca** AB.266 (VHN); (Bản in, 26 tr, Vi Dã và Dương Duy Đức phê bình, Phạm Hữu Nghi viết tựa; bản diễn Nôm, thể 6-8, tác phẩm *Hiếu kinh* của Khổng Tử và Tăng Tử, nằm trong **Hiếu kinh lập bản**). Hoặc có thể là bản **Hiếu kinh quốc âm diễn ca** VNv.60 (VHN) (1 bản in, 26 tr, in tại Nhã Đường, có bài tựa của Phạm Hữu Nghi, nội dung như bản AB.266).

(3) Lễ Thi Thư Dịch Nhật khắc thủy triều diễn ca

Phạm Đình Toái (Nguyễn). Trích *Nguyệt lệnh (Lễ); Thất nguyệt, Tiểu hung (Thi); Vũ công (Thu)*, 64 quẻ (**Dịch**) phân phối diễn ra. Phụ **Nhật khắc trường đoản cập trực nhật thủy triều ca**. Bản khắc in; đủ bộ, nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* Về sách này *Tự Khuê thư viện tổng mục sách* A.111 (VHN)⁸ trang 87a chỉ ghi là **Thi Thư Dịch nhật khắc thủy triều diễn ca** (01 bản, bộ Lễ chuyên giao).

Phần diễn Nôm *Nguyệt lệnh, Thất nguyệt, Tiểu hung, Vũ công*, 64 quẻ **Kinh Dịch** trong **Lễ Thi Thư Dịch Nhật khắc thủy triều diễn ca** cũng là phần in trong **Kinh truyện diễn ca** VNv.144 (VHN) (1 bản in năm Thành Thái 2 (1891), 150 tr., 26 x 16, 1 tựa, 1 mục lục). Đồng thời, tác phẩm cùng với **Kinh truyện diễn ca** nói trên có thể là hai trong số những nguồn văn bản mà **Quốc âm từ điệu** AB.595 (VHN) và **Trung dung diễn ca (Trung dung diễn ca dịch quái diễn ca)** AB.540 (VHN) chép lại. Từ đây cũng có thể khẳng định Phạm Đình Toái là tác giả **Kinh truyện diễn ca**.

Qua khảo sát **Trung dung diễn ca** AB.540 (VHN) và **Quốc âm từ điệu** AB.595 (VHN), chúng tôi chỉ thấy có tên tác phẩm **Nhật khắc trường đoản ca**. Vì vậy chúng tôi cho rằng thực chất **Nhật khắc thủy triều diễn ca** hay **Nhật khắc trường đoản cập trực nhật thủy triều ca** là 02 tác phẩm chép chung gồm: **Nhật khắc trường đoản ca** (hiện còn) và **Trực nhật thủy triều ca** (hiện chưa tìm thấy). Như vậy tổng số tên sách mà CHV chép lên đến 37 tên.

(4) Nhị đế chân kinh diễn ca

Diễn *Cứu kiếp chân kinh* ra lục bát. (Sau phụ *Táo quân diễn ca*). Bản khắc in; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* TK, trang 87a chép tên sách *Nhị đế cứu kiếp kinh giác thế kính phụng Táo thần ca* (01 bản chép tay, bộ Lễ chuyển giao).

Có lẽ bản này tương tự bản *Văn Vũ nhị đế cứu kiếp chân kinh dịch ca* (AB.93; AB.363) do Phạm Đình Toái diễn Nôm, đền Ngọc Sơn, Hà Nội in năm Tự Đức Canh Thìn (1880) (02 bản in, 84 tr, bản diễn Nôm, thể 6-8, tác phẩm *Văn Vũ nhị đế cứu kiếp chân kinh*. Có nguyên văn chữ Hán). Hoặc là bản *Văn Vũ cứu kiếp diễn ca; Văn Vũ nhị đế cứu kiếp chân kinh (diễn nghĩa ca)* in tại đền Ngọc Sơn, Hà Nội [8, 96].

(5) *Tân Đường Tống thi ca diễn âm*

Phạm Đình Toái (Nguyễn). Diễn thơ Đường thành Quốc âm luật thi. Diễn ra từ những bài: *Chính khí ca, Xuân giang hoa nguyệt dạ, Trương tiến tửu, Quy khứ lai từ*. Bản chép tay; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* TK, trang 87a chép tên tác phẩm *Tân Đường Tống thi ca* (01 bản chép tay, bộ Lễ chuyển giao).

Nay còn chép toàn bộ trong *Quốc âm từ diệu* AB.595, riêng bài *Qui khứ lai từ* in trong *Qui khứ lai từ diễn ca* AB.336 (VHN) (1 bản in, Nguyễn Phi Chiếu đề bạt năm Tự Đức Nhâm Thân 1872). Từ bản *Quốc âm từ diệu* trên chúng ta có thể phục dựng nguyên bản tác phẩm *Tân Đường Tống thi ca diễn âm*.

(6) *Trung dung diễn ca*

Phạm Đình Toái (Nguyễn). Diễn bản *Trung dung tiết yếu* thành thể 6-8. Bản khắc in; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* TK, trang 87a chép tên sách này (01 bản chép tay, bộ Lễ chuyển giao).

Hiện còn xem được nguyên văn trong bản in *Kinh truyện diễn ca* VNv.144 (VHN), bản chép tay *Trung dung diễn ca dịch quái diễn ca* AB.540 (VHN); *Quốc âm từ diệu* AB.336 (VHN)

Chúng tôi xét thấy *Quốc âm từ diệu* AB.336 là bản chép gộp ba tác phẩm là (3); (4); (6) đã nêu ở trên của Phạm Đình Toái cùng với một số tác phẩm nữa của ông như *Lâm Thao phủ yến tửu ca, Quỳnh Lưu tiết phụ truyện kí, Quỳnh Đôi thôn tiết phụ truyện kí*. Bản này do Cao Xuân Dục căn cứ vào trước tác của Phạm Đình Toái chép lại năm Thành Thái 3 (1892).

(7) *Vũ kinh thất thư diễn ca*

Cung Bá Tĩnh. Diễn ca bản kinh của Tôn Vũ Tử ra thể 6-8. (Phụ *Thái Nguyên Lưu Dân giải kinh*). Bản chép tay; nguyên có 07 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 07 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* *Sử quán thủ sách* A.1025, trang 12a chép tên sách *Vũ kinh trực giải* (25 quyển, 943 trang). Có lẽ các bản này giống với bản *Vũ kinh trực giải diễn nghĩa ca* AB.310 (VHN).

2. Sách hiện mất hoặc chưa tìm thấy: Những tên sách chưa từng được giới thiệu; những sách đã được nhắc đến trong các thư tịch khác nhưng hiện đã mất hoặc chưa tìm thấy. Ở đây xin mô tả kĩ về các sách thuộc diện này. (Những tên sách này được xếp theo thứ tự bảng chữ cái Latin, nội dung miêu tả trung thành với những ghi chép trong thư mục gốc.)

(1) Chư nhạc chương hội biên

Phò mã Nga (Lê). Ghi lời chúc tụng trong lúc vui vẻ yến ẩm. Bản chép tay, nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* *Nội các thư mục, Quốc thư* A.113/1⁹, trang 2a chép tên sách này (01 bản); TK, trang 37b và 66b cũng chép tên sách này (Khuyết danh, 01 bản chép tay, Năm Tự Đức 36 phụng giao xuất).

(2) Lê triều giáo hoá điều lệ

Nhữ Đình Cầm (Lê). Ghi Lê Cảnh Hưng thiện chính giáo hoá, tổng cộng 47 điều. Diễn nghĩa từ bản chữ Hán theo thể 6-8. (Phụ *Thượng thư Hà Tôn Huân huấn tử ca*). Bản chép tay; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 02 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* NC, trang 5b chép tên sách *Giáo hoá điều lệ* (02 bản).

Có lẽ bản này diễn Nôm từ bản chữ Hán *Lê triều giáo hoá điều luật* A.1507 (VHN) (1 bản viết, 28 tr, 47 điều luật của triều Lê (do chúa Trịnh ban hành) nhằm khuyên bảo dân chúng sống trung hiếu, tiết nghĩa, giữ luân lí đạo đức và các truyền thống tốt đẹp của dân tộc.)

Về tác giả, thời Lê chúng ta mới chỉ biết tên tác giả Nhữ Đình Toàn, không rõ ở đây có phải là bản CHV chép nhầm tên tác giả thành Nhữ Đình Cầm không (?).

(3) Nam Việt sử kí truyện

Ghi từ Hồng Bàng đến Sĩ Vương, quốc hiệu các triều, thơ vịnh đế vương các đời, từ Kinh Dương Vương đến Lê Minh Tôn. Bản chép tay; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

(4) Quận công Nguyễn Đức Xuyên lý lịch

Nguyễn Đức Xuyên (Nguyễn). Ghi lí lịch, công vụ, việc quân, tất cả sự thực về hành trạng của ông. Bản chép tay; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, Cổ học viện mua, sao lại, lưu trữ tại thư viện Viện Cổ học, Huế.

(5) Táo quân diễn ca

Phụ chép trong *Nhị đế chân kinh diễn ca* (xem chi tiết ở mục 1, (4)).

(6) Thuận Quảng thực lục

Ghi sự tích các xứ Thuận Hoá, Quảng Nam. Bản khắc in; đủ bộ, nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 02 quyển, Cổ học viện mua, sao lại, lưu trữ tại thư viện Viện Cổ học, Huế.

(7) Thượng thư Hà Tôn Huân huấn tử ca.

Phụ chép trong *Lê triều giáo hoá điều lệ* (xem chi tiết ở mục 2, (2))

(8) Trục nhật thủy triều ca

(xem chi tiết ở mục 1, (3))

(9) Việt sử quốc ngữ ca

Ghi từ Hồng Bàng đến Lê Thuần Tôn, diễn theo thể 6-8. Bản khắc in; nguyên có 04 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, vốn lưu trữ tại Tân thư viện.

* NC, trang 16a chép tên sách *Việt sử quốc ngữ* (04 bản); TK, trang 39b chép sách *Việt sử quốc ngữ* (01 bộ, 05 bản chép tay, Năm Tự Đức 36 phụng giao xuất, bị gián nhảm), *Tân thư viện thủ sách* A.1024¹⁰, trang 228b chép tên sách *Việt sử quốc âm ca* (01 bộ, 04 bản, chép tay).

(10) *Việt vận thi tập*

Phan Bá Tiên. Ghi các danh tác quốc âm đời Trần, đầu Lê. Bản khắc in; nguyên có 01 quyển, năm Khải Định 10 (1926) đóng 01 quyển, Cổ học viện sao lại, lưu trữ tại thư viện Viện Cổ học.

Qua phần trên, chúng ta có được một số thông tin cơ bản về một bộ phận sách Nôm được lưu trữ ở thư viện Viện Cổ học ở Huế vào năm 1925 với 37 tên sách (23/37 tên sách là khắc in, 14/37 tên sách là chép tay) trong đó có 32 đơn vị thư mục và 05 tác phẩm phụ chép với số lượng tại thời điểm kiểm kê là 38 quyển (thất lạc hoặc hư hỏng 07 quyển). Với số lượng như vậy, nếu so với toàn bộ phần *Quốc thư* là 601 bộ¹¹ (trong đó, sách nguyên có là 5.134 quyển; sách hiện đóng là 1.818 quyển) thì chúng ta thấy số sách Nôm được lưu trữ và ghi chép riêng không phải là nhiều nhưng nếu so sánh với sách Nôm trong các bộ thư mục khác chỉ được chép rải rác đôi nơi thì con số này thực sự đáng kể. Hơn nữa, các sách này lại được mô tả tỉ mỉ với 08 yếu tố nên có thể có được những hình dung cụ thể về tác phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để đối chiếu, so sánh với những thư tịch hiện còn.

Theo phần miêu thuật lai lịch thì các sách này phần lớn vốn được lưu trữ tại Tân thư viện [từ đây xin viết tắt là TTV], một số ít do Viện Cổ học mua hoặc chép lại. Điều này có nghĩa là thư viện Viện Cổ học đã kế thừa kho sách của Tân thư viện, trên cơ sở đó tiếp tục sưu tầm, bổ sung và nhân bản. Nhưng trong số 37 tên sách này TTV chỉ ghi chép *Việt sử quốc âm ca*. Đây cũng là một vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Tuy vậy, những thông tin về các tên sách trong CHV được chép trong các bộ thư mục trước đó cũng góp phần giúp xác định diện cách những tác phẩm này trong hệ thống thư viện triều Nguyễn. Qua mục *Quốc âm*, kho *Quốc thư*, CHV có thể thấy triều Nguyễn đã có nhiều nỗ lực trong việc sưu tầm, lưu trữ và kiểm kê sách Nôm. Mặt khác điều này cũng thể hiện cách nhìn nhận của triều Nguyễn đối với sách Nôm có nhiều điểm tiến bộ.

Với những thông tin này chúng ta có thể bổ sung, sửa chữa, cải chính cho những thư tịch Nôm hiện còn. Với *Đại Việt sử kí tiếp lục diễn nghĩa*, *Vũ kinh thất thư diễn ca*, v.v. chúng ta có thể bổ sung tên gọi tác phẩm cho những sách hiện còn. Qua 03 tác phẩm của Phạm Đình Toái chúng ta đã xác định được các tác phẩm có thể là văn bản nguồn của *Quốc âm từ diệu*, khẳng định Phạm Đình Toái là tác giả của *Kinh truyện diễn ca* (đây là thông tin bổ sung cho [13]), chỉ rõ sách *Trung dung* do Phạm Đình Toái diễn Nôm hiện còn là diễn ra từ bản *Trung dung tiết yếu*, v.v. đây là cơ sở cho việc nghiên cứu các truyền bản cũng như diện cách những sáng tác của tác gia này.

Bên cạnh đó, những sách hiện còn lại giúp phục dựng tình trạng ban đầu của tên sách được ghi chép trong CHV. Từ *Quốc âm từ diệu* có thể khôi phục được sách *Tân Đường Tống thi ca diễn âm*, từ *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa* có thể hình dung được *Hiếu kinh diễn nghĩa*, v.v.

Mặt khác, CHV cung cấp cho chúng ta những tên sách hiện đã mất hoặc hiện chưa tìm thấy gồm 10 tên sách đã nêu ở trên. Bên cạnh tên sách còn có một số thông tin như hình thức nhân bản (in hay chép tay), số quyển, vài nét về nội dung. Đây là những chỉ dẫn hữu ích cho người đọc sách, thăng hoặc còn tìm thấy ở đâu đó trong dân gian vẫn còn lưu giữ được thì có thể tham

khảo thêm hay sử dụng những thông tin này làm bằng cứ mà khôi phục lại được thì may mắn lắm.

Khảo xét sách Nôm trong CHV, chúng tôi mong muốn bổ sung một số thông tin dù là ít ỏi cho những thư tịch hiện còn, cung cấp thông tin về những thư tịch hiện đã mất hoặc chưa tìm thấy, ngõ hầu có thể hình dung bước đầu về kho sách Nôm được lưu trữ tại Viện Cổ học, Huế đầu thế kỉ XX nói riêng cũng như di sản thư tịch viết bằng chữ Nôm của dân tộc ngoài số lượng thư tịch hiện còn lưu giữ được.



Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Bang, *Thư mục triều Nguyễn* (tập II), Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Huế, 1997, 236 tr.
- [2] Trương Văn Bình, *Sách Hán Nôm lưu giữ ở thư viện Leiden (Hà Lan)*, *Tạp chí Hán Nôm*: 100 bài tuyển chọn, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2000, tr 57–69.
- [3] Phan Văn Các, *Thư mục Việt Nam học (bằng chữ Hán) ở thư viện Harvard Yenching (Mỹ)*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (25) năm 1995, tr 83–93.
- [4] Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, 405 tr; tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, 277 tr.
- [5] Trần Văn Giáp (chủ biên), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập 1: 1971, 521 tr; tập 2: 1972, 341 tr.
- [6] Kiều Thu Hoạch, *Truyện Nôm nguồn gốc và bản chất thể loại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr 259–262.
- [7] Nguyễn Quang Hồng, *Tác phẩm chữ Nôm và các kiểu định danh chúng*, *Thông báo Hán Nôm học 1997*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr 207–218.
- [8] Vương Thị Hường, *Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn – Hà Nội*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (42), năm 2000, tr 89–96.
- [9] Trịnh Khắc Mạnh, *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002, 650 tr.
- [10] Dương Thái Minh (và nhóm soạn giả), *Thư mục Hán Nôm - Mục lục tác giả*, Ban Hán Nôm, Hà Nội, 1977 (Bản in roneo), 427 tr., Vt.277 (VHN).
- [11] Trần Nghĩa, *Lịch sử thư tịch và thư mục học Hán Nôm*, *Nhìn lại Hán Nôm học thế kỉ XX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr 143–162.
- [12] Trần Nghĩa, *Sách Hán Nôm tại Thư viện vương quốc Anh*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (24), 1995.

- [13] Trần Nghĩa & François Gros, *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993. Tập 1 (A-H): 924 tr; Tập 2: (I-S): 748 tr; Tập 3 (T-Y): 970+284 tr.
- [14] Trần Nghĩa & Nguyễn Thị Oanh, *Thư mục tổng hợp sách Hán Nôm tại bốn tầng thư lớn của Nhật Bản*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (38) năm 1999, tr 70–99.
- [15] Hoàng Thị Ngo, *Vài suy nghĩ về nguồn tài liệu trong nghiên cứu chữ Nôm thế kỉ XX, Nhìn lại Hán Nôm học thế kỉ XX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, tr 352–371.
- [16] Nguyễn Tô Lan, *Sơ bộ khảo sát thư tịch Hán Nôm tại thành phố Huế*, Khoá luận tốt nghiệp cử nhân khoa học Hán Nôm, khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2003.
- [17] Chu Tuyết Lan, *Thông tin về tài liệu Hán Nôm ở Đại học Hawaii Mỹ*, *Thông báo Hán Nôm học 2002*, Nxb Khoa học Xã hội 2003, tr 268–272.
- [18] L. Sogny, *Bảo tàng Khải Định ở Huế*, *Tạp chí Indochine*, bản dịch của Lưu Đình Tuân trong *Tỉnh thành xưa ở Việt Nam*, Nxb Hải Phòng – Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2004, tr 450–457.
- [19] Trần Đình Sơn, *Thư tịch triều Nguyễn qua biên bản kiểm kê thư tịch, đồ hoạ, ấn chương tại các sở Bí thư, Thượng Bửu, Tụ Khuê thư viện ngày 19 tháng 7 năm 1926, Di sản văn hoá Huế 20 năm bảo tồn và phát huy giá trị*, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, Huế, 2002, 573 tr., tr 130–147.
- [20] Nguyễn Văn Thịnh (chủ biên), Nguyễn Hồng Trân (thực hiện), Đề tài khoa học độc lập cấp Quốc gia về: “Tổ chức bảo vệ và phát huy văn hoá Hán Nôm ở Huế”, *Danh sách tử sách gia đình tại Huế và danh mục tài liệu về Hán Nôm của các tư gia*, Huế, 2002.
- [21] *Thư mục sách Hán Nôm* Vv.837; Vt.70 (VHN).
- [22] Thư mục sách Hán Nôm tại các thư viện tại Hà Nội (VHN, tủ phiếu).
- [23] *Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, *Tạp chí Nghiên cứu & phát triển Sở khoa học công nghệ & Môi trường Thừa Thiên Huế* – Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, Huế, 7-2002, 740 tr.



Copyright © 2004 by the Institute of Hán Nôm Studies
and the Vietnamese Nôm Preservation Foundation.

¹ Xem mục **Tài liệu tham khảo**.

² Trước thư viện Bảo Đại còn có Bảo tàng Khải Định nhưng hiện nay chưa tìm được tài liệu về thư tịch lưu trữ tại đây. Về Bảo tàng Khải Định xin xem thêm trong [18].

³ Còn bản *Đại Nam quốc sử quán tàng thư mục* hiện đang lưu trữ tại Paris chúng tôi chưa có dịp tiếp xúc nhưng theo lược thuật nội dung trong [13, tập 1, 499]: “Mục lục sách của Thư viện Quốc sử quán triều Nguyễn Thành

Thái (1889–1907), gồm 103 loại sách” thì bản thư mục này cũng không chép sách Quốc âm thành một phần riêng biệt. Từ đây xin viết tắt Viện Nghiên cứu Hán Nôm là VHN.

⁴ Do không có điều kiện khảo sát trên bản gốc, chúng tôi dựa trên bản dịch của Trần Đình Sơn trong [19].

⁵ Từ đây, *Cổ học viện thư tịch thủ sách* xin viết tắt là CHV.

⁶ Trong CHV sách Nôm còn được chép trong các mục khác, chúng tôi xin không đề cập đến trong bài viết này.

⁷ Về vấn đề này, xin xem [7].

⁸ Từ đây, *Tự Khuê thư viện tổng mục sách* A.111 xin viết tắt là TK.

⁹ Từ đây, *Nội các thư mục, Quốc thư* A.113/1 xin viết tắt là NC.

¹⁰ Từ đây, *Tân thư viện thủ sách* A.1024 xin viết tắt là TTV.

¹¹ Bộ tương đương với khái niệm **Đơn vị thư mục** bây giờ.